

Số: 638 /BC-LTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO

V/v triển khai đào tạo thí điểm trình độ cao đẳng cho 22 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế đã chuyển giao từ CHLB Đức

Căn cứ hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp trong Công văn số 1175/TCGDNN-ĐTCQ ngày 01 tháng 6 năm 2018, Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo chi tiết kinh phí đào tạo thí điểm 02 nghề trọng điểm được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt đào tạo tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Nghề trọng điểm tham gia đào tạo:

- Công nghệ Ô tô, cấp độ quốc tế
- Điện công nghiệp, cấp độ khu vực

2. Số lượng học viên đào tạo: 32 HS-SV

- Công nghệ ô tô: 16 HS-SV/lớp
- Điện công nghiệp: 16 HS-SV/lớp

3. Số giáo viên tham gia giảng dạy

3.1. Nghề Công nghệ ô tô

- Tổng số nhà giáo dục viên tham gia giảng dạy: 26 GV (Trong đó có 17 nhà giáo cơ hữu, 09 nhà giáo thỉnh giảng)

100% GV có trình độ chuyên môn đạt chuẩn đúng chuyên ngành

Trình độ sau đại học: 26 GV, tỉ lệ 100%

3.2. Nghề Điện công nghiệp

- Tổng số nhà giáo dục viên tham gia giảng dạy: 27 GV (Trong đó có 24 nhà giáo cơ hữu, 03 nhà giáo thỉnh giảng)

100% GV có trình độ chuyên môn đạt chuẩn đúng chuyên ngành

Trình độ sau đại học: 27 GV, tỉ lệ 100%

(Đính kèm phụ lục 1: Thống kê trình độ đội ngũ giảng viên)

4. Thời gian đào tạo: 3,5 năm/khóa học

5. Thiết bị đào tạo phục vụ giảng dạy

5.1. Nghề Công nghệ ô tô

- Tổng nhu cầu: 08 phòng thực hành
- Hiện có: 07 phòng thực hành, tổng giá trị trang bị: 86.379.294.496 đồng (Đính kèm phụ lục 2, mục I)
- Đầu tư mới: 01 phòng thực hành, giá trị trang bị: 11.239.740.000 đồng

5.2. Nghề Điện công nghiệp

- Tổng nhu cầu: 27 phòng thực hành

- Hiện có: 25 phòng thực hành, tổng giá trị trang bị 154.012.301.131 đồng
(Đính kèm phụ lục 2, mục II)
 - Đầu tư mới: 02 phòng thực hành, giá trị trang bị: 10.700.000.000 đồng
- 6. Dự kiến kinh phí đào tạo cả khóa đào tạo (3,5 năm): 24.661.709.853 đồng**
- 6.1. Nghề Công nghệ Ô tô: 12.600.724.927 đồng**
- Đầu tư thiết bị dạy học 11.239.740.000 đồng
 - Thù lao giảng viên 1.014.200.000 đồng
 - Chi phí khác 258.304.927 đồng
 - Chi phí chi cho HS-SV 88.480.000 đồng
- 6.2. Nghề Điện công nghiệp: 12.060.984.927 đồng**
- Đầu tư thiết bị dạy học 10.700.000.000 đồng
 - Thù lao giảng viên 1.014.200.000 đồng
 - Chi phí khác 258.304.927 đồng
 - Chi phí chi cho HS-SV 88.480.000 đồng
- (Đính kèm Bảng dự kiến kinh phí đào tạo 02 nghề thí điểm)
- 7. Nguồn kinh phí cần để đào tạo thí điểm : 24.662 triệu đồng**
- Trong đó:**
- Nguồn hỗ trợ từ NSTW 19.894 triệu đồng
(Thông qua CTMT Giáo dục nghề nghiệp-Việc làm và ATLĐ)
 - Nguồn ngân sách địa phương, bộ, ngành 2.397 triệu đồng
 - Nguồn vốn hợp pháp khác (nguồn tự có của Nhà trường): 2.371 triệu đồng

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

DỰ KIẾN KINH PHÍ ĐÀO TẠO 2 NGHỀ THÍ ĐIỂM
(Cho 1 lớp 16 học sinh)

ĐVT: đồng

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Tổng nhu cầu	Hiện có (Đã đáp ứng tiêu chí)		Nhu cầu đầu tư		
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I/ Nghề Công nghệ Ô tô - Cấp độ quốc tế								12.600.724.927
I.1. Chi phí chung								12.512.244.927
I.1.1. Trang thiết bị dạy học					86.379.294.496		11.239.740.000	11.239.740.000
	Số lượng phòng thực hành (có thiết bị theo danh mục) cần để giảng dạy toàn khóa học:	Phòng						
	+ Phòng thực hành kỹ thuật điện và điện tử ô tô	Phòng	1	1	17.920.759.999			
	+ Phòng thực hành kỹ thuật cơ khí ô tô	Phòng	2	2	24.038.355.597			
	+ Phòng thực hành kỹ thuật hệ thống điều khiển động cơ ô tô	Phòng	2	2	17.767.732.500			
	+ Phòng thực hành kỹ thuật hệ thống vận hành xe	Phòng	2	1	12.488.600.000	1	11.239.740.000	11.239.740.000
	+ Phòng thực hành kỹ thuật cao áp và hệ thống thông tin	Phòng	1	1	14.163.846.400			
	- Chi phí bảo trì, bảo dưỡng/năm							
	- Chi phí khấu hao thiết bị/năm							
I.1.2. Chi phí đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ CB-GV					1.267.405.000		1.014.200.000	1.014.200.000
	Chi phí đào tạo cán bộ quản lý khoa	Người	0					
	Chi phí đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	Người	0		253.205.000			
	Chi phí bồi dưỡng kỹ năng nghề	Người	0					
	Chi phí đào tạo bồi dưỡng tiếng Anh (B1, CEFR)	Người	0					
	Chi phí đào tạo bồi dưỡng tiếng Đức (B1, CEFR)	Người	0					
	Chi phí đào tạo, bồi dưỡng tin học	Người	0					
	Thù lao giảng viên/khóa học, trong đó:	VNĐ	1.014.200.000		1.014.200.000		1.014.200.000	1.014.200.000
	+ Tổng số giờ/khóa học:	Giờ	6.188		6.188		6.188	
	Lý thuyết	Giờ	1.720		1.720		1.720	
	Thực hành	Giờ	4.468		4.468		4.468	
	+ Thù lao dạy/giờ	VNĐ	200.000		200.000		200.000	
I.1.3. Chi phí khác				1	71.751.369		258.304.927	258.304.927
	Chi phí điện, nước sinh hoạt/tháng	tháng		1	71.751.369		258.304.927	258.304.927
	Tổ chức lễ khai giảng, bế giảng	lần						
Các đơn vị góp ý bổ sung thêm								
I.2. Chi phí tính trên đầu học sinh					88.480.000		88.480.000	88.480.000

DỰ KIẾN KINH PHÍ ĐÀO TẠO 2 NGHỀ THÍ ĐIỂM
(Cho 1 lớp 16 học sinh)

ĐVT: đồng

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Tổng nhu cầu	Hiện có (Đã đáp ứng tiêu chí)		Nhu cầu đầu tư		
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I/ Nghề Công nghệ Ô tô - Cấp độ quốc tế								12.600.724.927
I.1. Chi phí chung								12.512.244.927
I.1.1. Trang thiết bị dạy học					86.379.294.496		11.239.740.000	11.239.740.000
	Số lượng phòng thực hành (có thiết bị theo danh mục) cần để giảng dạy toàn khóa học:	Phòng						
	+ Phòng thực hành kỹ thuật điện và điện tử ô tô	Phòng	1	1	17.920.759.999			
	+ Phòng thực hành kỹ thuật cơ khí ô tô	Phòng	2	2	24.038.355.597			
	+ Phòng thực hành kỹ thuật hệ thống điều khiển động cơ ô tô	Phòng	2	2	17.767.732.500			
	+ Phòng thực hành kỹ thuật hệ thống vận hành xe	Phòng	2	1	12.488.600.000	1	11.239.740.000	11.239.740.000
	+ Phòng thực hành kỹ thuật cao áp và hệ thống thông tin	Phòng	1	1	14.163.846.400			
	- Chi phí bảo trì, bảo dưỡng/năm							
	- Chi phí khấu hao thiết bị/năm							
I.1.2. Chi phí đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ CB-GV					1.267.405.000		1.014.200.000	1.014.200.000
	Chi phí đào tạo cán bộ quản lý khoa	Người	0					
	Chi phí đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	Người	0		253.205.000			
	Chi phí bồi dưỡng kỹ năng nghề	Người	0					
	Chi phí đào tạo bồi dưỡng tiếng Anh (B1, CEFR)	Người	0					
	Chi phí đào tạo bồi dưỡng tiếng Đức (B1, CEFR)	Người	0					
	Chi phí đào tạo, bồi dưỡng tin học	Người	0					
	Thù lao giảng viên/khóa học, trong đó:	VNĐ	1.014.200.000		1.014.200.000		1.014.200.000	1.014.200.000
	+ Tổng số giờ/khóa học:	Giờ	6.188		6.188		6.188	
	Lý thuyết	Giờ	1.720		1.720		1.720	
	Thực hành	Giờ	4.468		4.468		4.468	
	+ Thù lao dạy/giờ	VNĐ	200.000		200.000		200.000	
I.1.3. Chi phí khác				1	71.751.369		258.304.927	258.304.927
	Chi phí điện, nước sinh hoạt/tháng	tháng		1	71.751.369		258.304.927	258.304.927
	Tổ chức lễ khai giảng, bế giảng	lần						
	Các đơn vị góp ý bổ sung thêm							
I.2. Chi phí tính trên đầu học sinh					88.480.000		88.480.000	88.480.000

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Tổng nhu cầu	Hiện có (Đã đáp ứng tiêu chí)		Nhu cầu đầu tư		
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Chi phí tuyển sinh/1 học sinh	Người	16	50.000	800.000	16	800.000	
	Chi phí đào tạo bồi dưỡng tiếng Anh đạt chuẩn B1	Người	16	1.840.000	29.440.000	16	29.440.000	
	Chi phí đào tạo bồi dưỡng Tin học IC3	Người	16	1.840.000	29.440.000	16	29.440.000	
	Chi phí vật tư thực tập/1 học sinh	Người	16	1.800.000	28.800.000	16	28.800.000	
II/ Nghề Điện công nghiệp, cấp độ khu vực								12.060.984.927
II.1. Chi phí chung								11.972.504.927
II.1.1. Trang thiết bị dạy học								10.700.000.000
	Số lượng phòng thực hành (có thiết bị theo danh mục) cần để giảng dạy toàn khóa học:	Phòng						
01	+ Phòng thực hành Cung cấp điện	Phòng	1			1	5.200.000.000	5.200.000.000
02	+ Phòng thực hành Truyền động điện	Phòng	1			1	5.500.000.000	5.500.000.000
03	+ X.TT Điện máy CNC	Xưởng	1	1	5.600.867.142			
04	+ X. TT Điều khiển máy Điện	Xưởng	1	1	16.156.405.000			
05	+ X. TN Máy điện	Phòng	1	1	5.540.177.000			
06	+ X.TT Điện tử cơ bản	Xưởng	1	1	4.594.489.274			
07	+ X.TT Mạch điện tử	Xưởng	1	1	1.843.776.000			
08	+ X.TT Điện cơ bản	Xưởng	1	1	3.559.661.000			
09	+ X.TT Thang máy - Thang cuốn	Xưởng	1	1	16.200.000.000			
10	+ P.TT KT Xung – Số	Xưởng	1	1	2.504.989.000			
11	+ X.TT Máy điện 1,2	Xưởng	1	1	4.000.000.000			
13	+ X.TT Điện - Khí nén	Xưởng	1	1	4.090.635.000			
14	+ X.TT Đo lường – cảm biến	Xưởng	1	1	3.343.295.351			
15	+ X.TT Điện tử Công Nghiệp 1	Xưởng	1	1	7.050.000.000			
	+ X.TT Điện tử Công Nghiệp 2	Xưởng	1	1	5.006.363.000			
16	+ X.TT Trang bị điện	Xưởng	1	1	2.978.503.000			
17	+ X.TT Điện công nghiệp	Xưởng	1	1	4.401.680.175			
18	+ X.TT Vi xử lý	Xưởng	1	1	3.098.189.000			
19	+ X.TT PLC	Xưởng	1	1	10.939.844.500			
20	+ X.TT Tự động hóa	Xưởng	1	1	17.884.328.100			
21	+ X.TT SCADA 1	Xưởng	1	1	6.276.583.150			
22	+ X.TT SCADA 2	Xưởng	1	1	6.896.583.150			
23	+ X.TT Điện tử công suất 1,2	Xưởng	1	1	6.495.508.385			
25	+ X.TT Đo lường – Mạch điện 1	Xưởng	1	1	5.518.968.625			
26	+ X.TT Đo lường – Mạch điện 2	Xưởng	1	1	5.838.968.625			
27	+ X.TT Lắp đặt điện	Xưởng	1	1	1.100.000.000			
29	+ X. TT Điện tử máy tính	Xưởng	1	1	3.092.486.654			
	- Chi phí bảo trì, bảo dưỡng/năm		27	25				
	- Chi phí khấu hao thiết bị/năm							

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Tổng nhu cầu	Hiện có (Đã đáp ứng tiêu chí)		Nhu cầu đầu tư		
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
II.1.2. Chi phí đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ CB-GV					1.267.405.000		1.014.200.000	1.014.200.000
	Chi phí đào tạo cán bộ quản lý khoa	Người	0					
	Chi phí đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	Người	0		253.205.000			
	Chi phí bồi dưỡng kỹ năng nghề	Người	0					
	Chi phí đào tạo bồi dưỡng tiếng Anh (B1, CEFR)	Người	0					
	Chi phí đào tạo bồi dưỡng tiếng Đức (B1, CEFR)	Người	0					
	Chi phí đào tạo, bồi dưỡng tin học	Người	0					
	Thù lao giảng viên/khóa học, trong đó:	VNĐ	1.014.200.000		1.014.200.000		1.014.200.000	1.014.200.000
	+ Tổng số giờ/khóa học:	Giờ	6.188		6.188		6.188	
	Lý thuyết	Giờ	1.720		1.720		1.720	
	Thực hành	Giờ	4.468		4.468		4.468	
	+ Thù lao dạy/giờ	VNĐ	200.000		200.000		200.000	
I.1.3. Chi phí khác					71.751.369		258.304.927	258.304.927
	Chi phí điện, nước sinh hoạt/tháng	tháng			71.751.369		258.304.927	258.304.927
	Tổ chức lễ khai giảng, bế giảng	lần						
	Các đơn vị góp ý bổ sung thêm							
I.2. Chi phí tính trên đầu học sinh					88.480.000		88.480.000	88.480.000
	Chi phí tuyển sinh/1 học sinh	Người	16	50.000	800.000	16	800.000	
	Chi phí đào tạo bồi dưỡng tiếng Anh đạt chuẩn B1	Người	16	1.840.000	29.440.000	16	29.440.000	
	Chi phí đào tạo bồi dưỡng Tin học IC3	Người	16	1.840.000	29.440.000	16	29.440.000	
	Chi phí vật tư thực tập/1 học sinh	Người	16	1.800.000	28.800.000	16	28.800.000	
	I + II							24.661.709.853

Tổng nguồn kinh phí cần để đào tạo thí điểm:

Trong đó: - Nguồn hỗ trợ từ NSTW

(thông qua CTMT Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động)

- Nguồn ngân sách địa phương, bộ, ngành

- Nguồn vốn hợp pháp khác (nguồn tự có của nhà trường)

24.662 triệu đồng

19.894 triệu đồng

2.397 triệu đồng

2.371 triệu đồng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc